

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23-5-2024.  
V/v: Ly hôn giữa chị Dung và  
anh Thoại.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Bà Quàng Thị Hòa.

2 – Ông Lò Văn Khết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa:** Ông Lường Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lò Thị D**, sinh 1995, trú tại: **Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Quàng Văn T**, sinh 1992, trú tại: **Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Có đề nghị xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị **Lò Thị D** trình bày:

Chị và anh **Quàng Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 25/6/2013 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **Quàng Văn T** nghiện ma túy và dẫn đến phạm tội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Từ đó hai người sống không quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Chị **Lò Thị D** xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh **Quàng Văn T**.

Về con chung: Có hai con là **Quàng Hải B**, sinh ngày 09/8/2013 và **Quàng Thị Phương K**, sinh ngày 11/8/2015. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh **Quàng Văn T** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Quàng Văn T** trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Lò Thị D** và anh **Quàng Văn T**. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị **Lò Thị D**. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có hai con là **Quàng Hải B**, sinh ngày 09/8/2013 và **Quàng Thị Phương K**, sinh ngày 11/8/2015. Anh xác nhận hiện nay chị **Lò Thị D** đang nuôi con, nguyện vọng để chị **Lò Thị D** nuôi con và không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị **Lò Thị D** được ly hôn anh **Quàng Văn T**.

Về con chung: Giao cháu **Quàng Hải B**, sinh ngày 09/8/2013 và **Quàng Thị Phương K**, sinh ngày 11/8/2015 cho chị **Lò Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Quàng Văn T** không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Lò Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Quàng Văn T** sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh **Quàng Văn T** đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập xét xử hợp lệ có xác nhận của Trại tạm giam **Công an tỉnh S**. Các đương sự đều có đề nghị xử vắng mặt, căn cứ quy

định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn T có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh Quàng Văn T nghiện ma túy, dẫn đến phạm tội. Hai người sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị D và anh Quàng Văn T đã được gia đình và chính quyền khuyến giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Lò Thị D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Quàng Văn T.

[3] Về con chung: Có hai con là Quàng Hải B, sinh ngày 09/8/2013 và Quàng Thị Phương K, sinh ngày 11/8/2015. Hiện nay chị Lò Thị D đang nuôi con và có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh Quàng Văn T cấp dưỡng. Căn cứ nguyện vọng của các con và đương sự, cần chấp nhận giao hai cháu Quàng Hải B và Quàng Thị Phương K, sinh ngày 11/8/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lò Thị D đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí. Chị Lò Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Quàng Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Quàng Hải B, sinh ngày 09/8/2013 và Quàng Thị Phương K, sinh ngày 11/8/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Lò Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001298 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị **Lò Thị D**, anh **Quàng Văn T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Mường Bú, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**(ĐÃ KÍ)**

**Nguyễn Minh Tuấn**